

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM - PT.

Ngày : 11/1/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hoá*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Lê Thuý Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Ông Nguyễn Trung Kiên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - KSV

Ngày 11 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 145/2021/TLPT - KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán hàng hoá.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 51/2021/ KDTM – ST, ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 695/QĐPT – KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty TNHH Trang thiết bị và vật tư y tế H (gọi tắt Công ty H
Trụ sở : Số 40-42 Nguyễn Thế Truyền, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đào - Giám đốc;

Người Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc Anh – sinh năm 1966

Trú tại : số 13/24 phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

(Giấy ủy quyền số 10.4/HVL-UQ/2020 ngày 01/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Luật sư Nguyễn Khắc Bảo-Văn phòng luật sư Mỹ Đức, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đ (gọi tắt Công ty Đ)

Trụ sở: Số 5 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông An Thành Vĩnh - Giám đốc.
Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang Hưng – sinh năm 1970
Trú tại : D2 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
(Giấy ủy quyền số 136/VBUQ-ĐĐ ngày 15/7/2021).
Bà Ngọc Anh, ông Hưng, Luật sư Bảo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Htrình bày:

Trước năm 2012 Công ty Hlà nhà phân phối chính cho sản phẩm “Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc (Everolimus) XIENCE PRIME” tại các Bệnh viện lớn ở Hà Nội, được đánh giá là sản phẩm tốt và an toàn cho bệnh nhân. Khi Công ty Đ đi vào hoạt động, được các Bác sỹ giới thiệu nên Công ty Đ liên hệ Công ty Hđể nghị cung cấp sản phẩm trên để sử dụng cho bệnh nhân. Tại thời điểm đó khi sử dụng xong cho bệnh nhân chỉ ra hoá đơn là có giá trị bằng chứng pháp lý để Công ty Đ thanh toán tiền cho Công ty Hoàng Việt Long. Sau đó do thấy hàng đã sử dụng ra 04 hoá đơn tại thời điểm tháng 07 và tháng 08/2012 có giá trị công nợ lên đến 1.613.100.000 đồng nên Công ty Hyêu cầu Công ty Đ phải ký kết hợp đồng. Ngày 01/9/2012, Công ty Đ và Công ty Hmới ký Hợp đồng nguyên tắc số: 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO. Theo đó, Công ty Đ đồng ý mua của Công ty Hkhung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc (Everolimus) XIENCE Prime. Hợp đồng có giá trị từ ngày 01/9/2012 đến hết ngày 31/12/2012.

Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, Công ty Hvẫn xuất 01 hoá đơn tháng 02/2013 và 01 hoá đơn tháng 12/2013 là hàng đã sử dụng cho bệnh nhân trong năm 2012 do khi Công ty Hđối chiếu kiểm tra với Công ty Đ thấy còn thiếu hàng đã sử dụng chưa được ra hoá đơn. Theo các hóa đơn của Công ty Hđã xuất cho Công ty Đ đến ngày 31/12/2013, tổng số tiền là 2.801.700.000 đồng.

Từ ngày 13/09/2012 đến ngày 08/5/2013 Công ty Hthấy Công ty Đ thanh toán tiền chậm và ít so với công nợ (mới thanh toán hết 01 hóa đơn ra ngày 11/07/2012 với số tiền là 636.750.000 đồng), nên cuối năm 2013 Công ty Hlàm đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền đến ngày 31/12/2013 số tiền còn nợ là 2.164.950.000 đồng để

Công ty Đ xác nhận khoản nợ và nhắc thanh toán tiền cho Công ty Hoàng Việt Long, Công ty Đ có ký xác nhận đề nghị này, Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Mão là người ký xác nhận.

Sau khi làm đối chiếu công nợ đến ngày 31/12/2013 thì Công ty H rất khó khăn để liên hệ với Công ty Đ làm thủ tục ký phụ lục hợp đồng lần thanh toán tiền. Đến ngày 12/05/2014 Công ty Đ mới thanh toán cho Công ty H số tiền là 50.000.000 đồng. Do vậy đến ngày 08/9/2014 Công ty H gửi Công ty Đ công văn về việc thu hồi nợ số 08/0914-HVL ngày 08/9/2014 với số tiền là 2.114.950.000 đồng. Đến ngày 13/9/2014 Công ty Đ gửi Công ty H công văn số 59/CV-ĐĐ ngày 13/9/2014 xác nhận số nợ là 2.114.950.000 đồng, đồng thời nêu lý do di chuyển địa điểm kinh doanh nên đề nghị thanh toán hàng tháng khoảng 50.000.000 đồng cho Công ty Hoàng Việt Long, nhưng sau đó Công ty Đ vẫn không thực hiện đúng cam kết trong công văn trên mà mỗi đợt chỉ chuyển trả 20.000.000 hoặc 30.000.000 đồng. Nhiều lần Công ty H liên hệ Công ty Đ để giải quyết công nợ nhưng vẫn không được tiếp nhận. Đến ngày 28/9/2016 Công ty H ủy quyền cho Công ty Luật Khánh Việt giải quyết thu hồi công nợ thì Công ty Đ thỉnh thoảng chuyển trả Công ty H mỗi đợt 20.000.000 đồng (Năm 2016: 02 đợt, năm 2017: 08 đợt, năm 2018: 02 đợt, năm 2019: 05 đợt, ngày 01/06/2020: 01 đợt với tổng số tiền là: 360.000.000 đồng).

Do vậy, đến ngày 25/6/2020 Công ty H gửi Công ty Đ công văn về việc thu hồi nợ số: 25/620-HVL ngày 25/6/2020 không chấp nhận Công ty Đ thỉnh thoảng chuyển trả Công ty H mỗi đợt với số tiền là 20.000.000 đồng.

Công ty Đ đã cho bệnh nhân sử dụng hết sản phẩm mua của Công ty H và Công ty H cũng đã xuất hóa đơn cho Công ty Đ từ năm 2012 đến năm 2015 để Công ty Đ thực hiện các nghĩa vụ báo cáo thuế với Nhà nước và được hạch toán từ năm 2012. Nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ với Công ty Hoàng Việt Long. Công ty Đ đã thay đổi Ban lãnh đạo, nhưng Ban lãnh đạo mới vẫn phải có trách nhiệm kế thừa và giải quyết công nợ đối với Công ty H theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty Đ đã xác nhận công nợ và thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 1.286.750.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.514.950.000 đồng. Tính đến thời điểm Công ty H xuất hóa đơn cuối cùng cho Công ty Đ thì số tiền nợ mà Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty H là 1.514.950.000 đồng.

Thời gian nợ quá hạn: tính từ thời điểm xuất hóa đơn thanh toán cuối cùng của Công ty Gửi Công ty Đ là ngày 31/12/2013 cộng thêm 90 ngày theo Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO tức là từ ngày 31/03/2014 đến ngày khởi kiện là 24/8/2020 là 06 (sáu) năm, 04 (bốn) tháng, 24 (hai mươi bốn) ngày. Số tiền Công ty Đ thanh toán từ năm 2012 đến tháng 6/2020 được tính trừ vào những hóa đơn Công ty H đã xuất từ năm 2012.

Lãi suất nợ quá hạn: là lãi suất trung bình của các ngân hàng trên thị trường tại thời điểm thanh toán; ngân hàng được lựa chọn áp dụng để tính lãi suất là 3 Ngân hàng Vietcombank, Viettinbank, Agribank đối với nợ quá hạn (150%)- thời điểm tháng 07/2020 được tính như sau: $(6,5\% + 6,8\% + 7\%) : 3 + 50\% = 10,15\% / 1 \text{ năm}$.

Số tiền lãi quá hạn thanh toán:

Theo năm (06 năm): $1.514.950.000 \times 10,15\% \times 6 = 922.604.550 \text{ đồng}$.

Theo tháng (4 tháng): $1.514.950.000 \times 10,15\% : 12 \times 4 = 51.255.808 \text{ đồng}$.

Theo ngày (24 ngày): $1.514.950.000 \times 10,15\% : 12 : 30 \times 24 = 10.251.162 \text{ đồng}$.

Tổng nợ quá hạn: $922.604.550 \text{ đồng} + 51.255.808 \text{ đồng} + 10.251.162 \text{ đồng} = 984.111.520 \text{ đồng}$.

Số tiền cả gốc và lãi: $1.514.950.000 \text{ đồng} + 984.111.520 \text{ đồng} = 2.499.061.520 \text{ đồng}$.

Công ty Hyêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền gốc tính đến thời điểm Công ty H xuất hóa đơn cuối cùng cho Đ là: 1.514.950.000 đồng. Buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 24/8/2020 là: 984.111.520 đồng.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn trình bày:

Khoản công nợ tồn đọng giữa Công ty Đ với Công ty H là công nợ tồn đọng phát sinh từ 7 năm trước (trước năm 2014), những lãnh đạo của Công ty Đ liên quan đến khoản công nợ này như Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng đều đã nghỉ công tác, các năm vừa qua hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ nên khả năng cân đối tài chính gặp nhiều khó khăn. Quan điểm của lãnh đạo mới Công ty Đ là kế thừa và chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả; nhưng sau khi tìm hiểu hồ sơ liên quan đến công nợ tồn đọng giữa hai Công ty, Công ty Đ có ý kiến như sau:

1- Theo hồ sơ văn bản của Công ty Hoàng Việt Long, toàn bộ giá trị công nợ tồn đọng (phát sinh từ tháng 7/2012 đến hết tháng 12/2013) Công ty H giải quyết dựa trên

cơ sở Hợp đồng nguyên tắc số 75/2012 là không phù hợp vì Hợp đồng này chỉ có giá trị từ ngày 01/9/2012 đến hết ngày 31/12/2012.

- Trước ngày 01/9/2012 (Hợp đồng số 75 chưa ký) đã có 04 hóa đơn với tổng cộng giá trị công nợ là 1.613.100.000 đồng sẽ không thuộc Hợp đồng nguyên tắc số 75; và khi ký Hợp đồng số 75 hai bên cũng không nêu phương án giải quyết công nợ đang tồn đọng này.

- Trong thời gian Hợp đồng số 75 có giá trị thì có 4 hóa đơn với tổng giá trị là 933.900.000 đồng, nhưng Hợp đồng không nêu mức phạt hay tính lãi chậm trả. Trên thực tế Công ty Đ đã chậm trả nhưng Công ty H vẫn tiếp tục cấp hàng vào ngày 31/12/2012.

- Sau ngày 31/12/2012 (Hợp đồng số 75 đã hết hiệu lực) vẫn có 2 hóa đơn với tổng giá trị công nợ là 254.700.000 đồng.

- Hợp đồng nguyên tắc số 75 có giá trị từ ngày 01/9/2012 đến hết ngày 31/12/2012. Như vậy, 6 hóa đơn số 0003553 ngày 11/7/2012; 0003657 ngày 27/7/2012; 0003658 ngày 27/7/2012; 0003978 ngày 31/8/2012; 0000253 ngày 28/02/2013; 0002604 ngày 31/12/2013 kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn không nằm trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng nguyên tắc. Vậy cơ sở pháp lý nào để nguyên đơn bán hàng cho bị đơn và các chủng loại hàng hóa nào đã được nguyên đơn giao cho bị đơn. Bị đơn không thấy các tài liệu liên quan đến các lô hàng mà nguyên đơn đã bán cho bị đơn theo nội dung các hóa đơn mà nguyên đơn cung cấp. Vì vậy bị đơn chưa thể khẳng định tính chính xác của các hóa đơn và công nợ trước đây được đối chiếu giữa đại diện của Công ty Đ và Công ty Hoàng Việt Long.

2- Công ty H đơn phương tính lãi chậm trả và gửi văn bản yêu cầu Công ty Đ thanh toán:

Năm 2017 và năm 2018, Công ty H đơn phương xác định % lãi suất, tính tiền lãi (trên 600 triệu) và gửi văn bản yêu cầu Công ty Đ thanh toán, trong đó tính lãi cả thời gian (09 tháng năm 2014) Công ty H có văn bản chấp thuận hỗ trợ không thu nợ vì lý do Công ty Đ di chuyển địa điểm sản xuất kinh doanh, vì vậy việc Công ty H đơn phương tính lãi và yêu cầu Công ty Đ thanh toán là không chấp nhận được.

Theo nguyên tắc thanh toán công nợ thì khi một bên đơn phương tính toán và gửi văn bản thông báo giá trị công nợ không chính xác thì bên kia sẽ ngừng thanh toán để yêu cầu xem xét thống nhất số liệu.

3- Số liệu xác định giá trị công nợ của Công ty Hkhông thống nhất: Văn bản của Công ty H năm 2017 và 2018 có giá trị công nợ yêu cầu Công ty Đ thanh toán (có tính lãi) cao hơn giá trị công nợ trong văn bản cũng của Công ty H ban hành năm 2020, giá trị chênh lệch khoảng 630 triệu đồng là không chấp nhận được.

4- Thiện chí của Công ty Đ: Mặc dù khó khăn nhưng công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước Công ty Đ vẫn xác nhận và thực hiện thanh toán dần nhưng Công ty H đã gửi văn bản số 25/620 ngày 25/6/2020 nêu rõ “... sẽ không chấp nhận và công nhận số tiền mà quý Công ty cổ phần Bệnh viện Đ chuyển trả vào tài khoản của Công ty Hoàng Việt Long”. Với nội dung văn bản này thì Công ty Đ không thể tiếp tục chuyển tiền trả nợ Công ty Hoàng Việt Long, Công ty Đ tiếp tục chờ Công ty H có thiện chí xác định đúng giá trị công nợ tồn đọng và đàm phán phương án thanh toán phù hợp.

Theo tổng hợp hồ sơ tài liệu hiện có, ban lãnh đạo mới của Công ty Đ hiểu rằng, việc Công ty H cung cấp hàng hóa để tạo nên công nợ tồn đọng là ngẫu hứng, tùy tiện (chưa có hợp đồng cung cấp hàng, hợp đồng hết hiệu lực rồi vẫn cấp hàng) và chính Công ty H đã vi phạm (cuối năm 2012 và năm 2013) tiếp tục cấp hàng khi Công ty Đ đã chậm thanh toán.

Nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ khởi kiện : biên bản đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (từ ngày 01/7/2012 đến ngày 31/12/2013) có chữ ký và con dấu của Công ty Đ xác nhận số dư nợ là 2.164.950.000 đồng. Biên bản đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (đến hết ngày 31/12/2015) có chữ ký và con dấu của Công ty Đ xác nhận số dư nợ là 1.934.950.000 đồng. Bị đơn nhận thấy các Bảng chi tiết công nợ và bảng Chi tiết công nợ phải thu đính kèm biên bản Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền nói trên không có đại diện của các bên ký xác nhận. Do vậy các chi tiết về số lượng hóa đơn, ngày thanh toán tiền và số tiền giảm trừ theo đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền đều không đáng tin cậy và không thể là cơ sở pháp lý để các bên tiến hành đối chiếu. Lãnh đạo mới của Công ty Đ đã gửi đơn tố cáo sang cơ quan điều tra để tố giác hành vi mua bán có dấu hiệu gian lận (không có chứng từ mua bán và giao hàng thực tế), nhưng vẫn phải bổ sung tài liệu, chứng cứ cho cơ quan điều tra, nên đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ vẫn chưa xuất trình được cho Tòa án giấy biên nhận hồ sơ gửi đơn của Công ty Đ sang cơ quan điều tra. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Hoàng Việt Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty H số tiền nợ còn lại là 1.514.950.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 19/7/2021 là 995.700.888 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 2.510.650.890 đồng.

* Đại diện bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi những lý do sau:

- Công ty Đ cho rằng Công ty H có vi phạm về việc phát hành hóa đơn, các hóa đơn do Công ty H cung cấp đều ghi mua bán hàng hóa qua điện thoại nhưng trên thực tế là giao hàng trực tiếp qua nhân viên tên Trần Mạnh Cường, việc mua bán đó không đúng với quy định của luật thuế.

- Trong năm 2013 Công ty H khai không có giao dịch mua bán hàng hóa nhưng vẫn có 02 hóa đơn xuất ra trong năm 2013, vì vậy không có căn cứ xác định Công ty Đ có nhận được hàng hóa thực tế không. Công ty Đ nghi ngờ giữa lãnh đạo Công ty H và lãnh đạo cũ của Công ty Đ có việc cấu kết xuất khống hóa đơn.

- Theo cung cấp của Chi cục thuế quận Đống Đa có 02 hóa đơn Công ty Đ không kê khai thuế, thể hiện việc không minh bạch trong giao dịch giữa Công ty H và Công ty Đ.

- Bản đối chiếu công nợ do ông Nguyễn Văn Mão- Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Đ ký không phản ánh đúng giá trị giao hàng thực tế.

- Trong 10 hóa đơn của Công ty Hoàng Việt Long, không có chứng từ mua bán kèm theo, có dấu hiệu của việc xuất khống hóa đơn, mua bán hóa đơn trái phép nên đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra.

- Về số tiền lãi chậm trả Công ty Đ không chấp nhận bởi theo Hợp đồng đã ký không có điều khoản nào quy định về thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán. Ngoài ra, tại Công văn số 59/CV-ĐĐ, Đ giải thích lý do chậm thanh toán do phải chuyển địa điểm, Công ty H đã đồng ý và đến ngày 26/5/2020 mới có công văn từ chối Đ thanh toán tiếp. Nên nếu Công ty Đ có nợ Công ty H số tiền gốc đúng như đơn khởi kiện thì số tiền lãi phải tính từ sau ngày 26/5/2020 cho đến ngày 24/8/2020 (ngày gửi đơn khởi kiện) mới đúng quy định.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 51/2021/ KDTM – ST, ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa đã quyết định như sau :

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế H đối với Công ty cổ phần Bệnh viện Đ.

2. Buộc Công ty cổ phần Bệnh viện Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế Hsố tiền là 2.510.650.890 đồng (Hai tỷ năm trăm mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.514.950.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2021 là 995.700.888 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Bệnh viện Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.213.018 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm mười tám đồng).

- Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế Hđược hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 41.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 15148 ngày 10/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- Công ty Đ kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung sau:

- Nguyên đơn không thể cung cấp được bất cứ chứng từ giao nhận hàng hoá và hồ sơ liên quan đến nguồn gốc lô hàng kèm theo 10 hoá đơn, mặc dù các tài liệu này được quy định tại điều 1,2 của Hợp đồng. Do vậy nguyên đơn có hành vi mua bán trái phép hoá đơn, việc mua bán hàng hoá và đối chiếu công nợ giữa hai bên là không có thật. Có 6 hoá đơn không nằm trong thời hạn của Hợp đồng nguyên tắc số 75 có giá trị từ ngày 01/9/2012 đến hết ngày 31/12/2012 đó là hóa đơn số 0003553 ngày 11/7/2012; 0003657 ngày 27/7/2012; 0003658 ngày 27/7/2012; 0003978 ngày 31/8/2012; 0000253 ngày 28/02/2013; 0002604 ngày 31/12/2013, do vậy 6 hoá đơn nêu trên có dấu hiệu của hành vi mua bán hoá đơn. Theo xác nhận của Chi cục thuế Đống Đa có 2 hoá đơn Công ty Đ không kê khai và nộp thuế, như vậy nguyên đơn không chuyển 2 hoá đơn này cho bị đơn nhưng vẫn đối chiếu công nợ để chiếm đoạt số tiền trên.

Đề nghị Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chuyển sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi mua bán trái phép hoá đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Nguyên đơn trình bày: Công ty H đã nộp đầy đủ cho Tòa án các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hoá, phiếu xuất nhập kho để chứng minh việc Công ty H bán hàng cho Công ty Đ là đúng sự thực. Hai bên nhiều lần đối chiếu công nợ và đưa ra các phương án trả nợ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Công ty Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty Đ trải qua nhiều lần thay đổi về nhân sự do vậy không thể nộp các tài liệu chứng cứ về xuất nhập kho theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Công ty Đ trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

Về nội dung: Hợp đồng nguyên tắc số: 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Công ty H và Công ty Đ nhiều lần xác định công nợ do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H buộc Công ty Đ phải trả số nợ gốc 1.514.950.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Về nợ lãi : Đối với 04 hoá đơn trước ngày 1/9/2012 do Công ty H không chứng minh được hai bên có thoả thuận về lãi suất do vậy yêu cầu tính lãi của Công ty H đối với 04 hoá đơn nêu trên không được chấp nhận. Đối với số tiền nợ của 06 hoá đơn còn lại do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty H với lãi suất 9% kể từ thời điểm 1/1/2016. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về lãi suất.

Về án phí : Công ty Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Công ty Đ trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- **Về nội dung** :

* Đối với 04 Hoá đơn GTGT số 0003553 ngày 11/7/2012; 0003657 ngày 27/7/2012; 0003658 ngày 27/7/2012; 0003978 ngày 31/8/2012:

- Căn cứ Công văn số 3328/CCTT-ĐKKD ngày 6/12/2021 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội thể hiện: Công ty cổ phần Bệnh viện Đ đăng ký lần đầu ngày 12/1/2010 do bà Đỗ Thị Thuý Kiều – Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật, Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 9/8/2012 với nội dung ông Nguyễn Văn Mão – Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật.

Khoản 1 Điều 86, khoản 1 điều 87 Bộ luật dân sự quy định : “

1. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân là khả năng của pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân không bị hạn chế, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

2. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập; nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký.

1. Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.”

Tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Văn Mão có lời khai xác định việc Công ty Đ do ông Nguyễn Văn Mão – Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện ký Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Từ ngày đầu 1/7/2012 đến hết ngày 31/12/2013) với Công Hdo ông Phạm Văn Đào – Giám đốc đại diện là hoàn toàn đúng sự thật.

Như vậy việc Công ty Đ do ông Nguyễn Văn Mão – Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật ký “*Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Từ ngày đầu 1/7/2012 đến hết ngày 31/12/2013)*” là thể hiện việc Công ty Đ thừa nhận khoản nợ đối với Công ty Hoàng Việt Long, do vậy Công ty Đ phải chịu trách nhiệm dân sự đối với khoản nợ của Công ty Hdo ông Nguyễn Văn Mão đại diện thừa nhận theo khoản 1 điều 87 Bộ luật dân sự. Ngày 1/6/2021 Công ty Đ do ông An Thành Vĩnh – Giám đốc đại diện ký Biên bản thoả thuận với nội dung : “ *Sau khi đối chiếu công nợ, hai bên xác nhận đến ngày 24/8/2020 Bên A còn nợ Bên B số tiền 1.514.950.000 đồng* ” gửi Công ty Hoàng Việt Long, thấy rằng một lần nữa Công ty Đ do ông An Thành Vĩnh

– Giám đốc đại diện đã thừa nhận còn nợ đối với Công ty Hoàng Việt Long, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty Đ cho rằng việc đối chiếu công nợ hai bên là không có thật.

Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã xác minh thể hiện bà Đỗ Thị Thuý Kiều hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài và không biết địa chỉ nên không thể lấy được lời khai của bà Đỗ Thị Thuý Kiều. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự thể hiện Công ty H và Công ty Đ có giao dịch mua bán sản phẩm “Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc (Everolimus) XIENCE PRIME” trước thời điểm ngày 1/9/2012. Mặc dù hai bên không ký kết Hợp đồng mua bán bằng văn bản nhưng hai bên có giao dịch mua bán được xác lập bằng lời nói và hành vi cụ thể phù hợp với khoản 1 điều 24 Luật thương mại.

Tại Tờ khai thuế GTGT tháng 7/2012 và tháng 8/2012 của Công ty Hoàng Việt Long, Thông báo số 375/TB-CCT ngày 30/1/2013 của Chi cục thuế Tân Phú thể hiện Công ty H đã kê thuế GTGT đối với 04 hoá đơn nêu trên. Công văn số 22487/CCT-KTR1 ngày 8/6/2021 Chi cục Thuế Quận Đống Đa đã xác định Công ty Đ kê khai thuế đối với Hoá đơn GTGT số 0003553 ngày 11/7/2012; 0003657 ngày 27/7/2012; 0003658 ngày 27/7/2012. Như đã phân tích ở trên căn cứ vào các công văn của hai bên gửi cho nhau, Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Từ ngày đầu 1/7/2012 đến hết ngày 31/12/2013) đều xác định Công ty H đã giao hàng cho Công ty Đ theo 04 hoá đơn nêu trên và hai bên xác định Công ty Đ còn nợ Công ty H số tiền của 04 hoá đơn nêu trên chưa thanh toán. Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ phải thanh toán khoản tiền nợ của 04 hoá đơn nêu trên là 326.350.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Như phân tích ở trên, hai bên giao dịch không ký Hợp đồng bằng văn bản, do vậy Công ty H không chứng minh được hai bên có thoả thuận về việc nếu Công ty Đ chậm thanh toán thì phải chịu lãi, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Công ty H về việc đòi lãi chậm trả của số tiền nêu trên.

2/ Đối với Hợp đồng mua bán :

Ngày 01/9/2012, Công ty Đ do ông Phạm Văn Đào - Giám đốc đại diện và Công ty H do ông Nguyễn Văn Mão – Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện ký Hợp đồng nguyên tắc số: 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO với nội dung: Công ty Đ đồng ý mua của Công ty H khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc (Everolimus) XIENCE Prime, Hợp đồng có giá trị từ ngày 01/9/2012 đến hết ngày 31/12/2012. Thấy

rằng , hai bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, Hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại điều 24 Luật thương mại nên phát sinh hiệu lực.

Căn cứ vào các hoá đơn GTGT, Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Từ ngày đầu 1/7/2012 đến hết ngày 31/12/2013), Công văn số 59/CV-ĐĐ ngày 13/9/2014 do ông Nguyễn Văn Mão – Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện ký, Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Đến hết ngày 31/12/2015) do ông Hoàng Trần Dũng – Giám đốc điều hành Công ty Đ đại diện ký đều xác định Công ty H đã giao hàng cho Công ty Đ theo 06 hoá đơn gồm 0004178 ngày 28/9/2012, 0004386 ngày 31/10/2012, 0004592 ngày 30/11/2012, 0004864 ngày 30/11/2012, 0000253 ngày 28/02/2013; 0002604 ngày 31/12/2013. Toà án đã yêu cầu Công ty Đ nộp các sổ sách chứng từ liên quan đến xuất nhập kho khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc (Everolimus) XIENCE Prime , và các hàng hoá khác phát sinh từ năm 2012 nhưng Công ty Đ không nộp và không có bất kỳ tài liệu chứng cứ chứng minh việc Công ty H xuất không đối với 10 hoá đơn đang có tranh chấp, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ về việc có dấu hiệu mua bán hoá đơn.

Căn cứ vào các tài liệu đối chiếu công nợ, các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định Công ty Đ còn nợ chưa thanh toán đối với 6 hoá đơn nêu trên với số tiền 1.188.600.000đồng, do vậy Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ phải trả số tiền nêu trên cho Công ty H là có căn cứ nên chấp nhận.

* Về lãi suất : Điều 3, 6 Hợp đồng nguyên tắc số: 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO ngày 01/9/2012 quy định: “ 3. Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn tài chính. 6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu bên nào tự ý không thực hiện đúng quy định trong hợp đồng thì bên đó chịu trách nhiệm bồi thường ”, thấy rằng các bên thoả thuận phù hợp với điều 306 Luật thương mại, do vậy trong trường hợp Công ty Đ chậm thanh toán thì phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

Theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 và Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-NQ ngày 11/01/2019 , Lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 8,5%/năm, Ngân hàng Công thương Việt Nam là 9%/năm và Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương là 7,5%/năm, Mức lãi suất quá hạn trung bình một năm là $(9\%+8,5\%+7,5\%) : 3 \times 150\% = 12,5\%$. Công ty H yêu cầu lãi suất chậm trả là 9%/năm, đây là sự tự nguyện của Công ty H do vậy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty H với mức lãi suất 9%/năm là có căn cứ nên chấp nhận.

Về thời gian tính lãi chậm trả: Theo Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số: 75/2012/HOANGVIETLONG-DONGDO ngày 01/9/2012 quy định Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty Htrong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính. Thời điểm xuất hóa đơn cuối cùng là ngày 31/12/2013, cộng thêm 90 ngày là ngày 31/3/2014. Tại Đề nghị xác nhận công nợ và thanh toán tiền (Đến hết ngày 31/12/2015) do ông Hoàng Trần Dũng – Giám đốc điều hành Công ty Đ đại diện ký và Công ty Hdo ông Phạm Văn Đào đại diện xác định số nợ gốc, Công văn số 34/CV- ĐĐ ngày 21/11/2016 của Công ty Đ gửi Công ty Hthể hiện về việc trả gốc và Công ty Hkhông có ý kiến gì về việc đòi lãi, do vậy xác định sau ngày 31/12/2016 Công ty Đ không thanh toán thì coi như vi phạm thoả thuận, do vậy cần xác định thời gian tính lãi từ 1/1/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2021 là 04 năm 06 tháng (làm tròn). Như vậy số tiền lãi là : $1.188.600.000 \text{ đồng} \times 4,5 \text{ năm} \times 9\%/\text{năm} = 481.383.000 \text{ đồng}$

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự , chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ sửa bản án sơ thẩm với nội dung buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty Hsố tiền nợ gốc là 1.514.950.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2021 là 481.383.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm : Do sửa án sơ thẩm nên xác định lại án phí sơ thẩm. Công ty Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016;
- Căn cứ khoản 4 điều 26, Khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Bệnh viện Đ.

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 51/2021/ KDTM – ST, ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa và quyết định như sau :

Xử: 1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế H đối với Công ty cổ phần Bệnh viện Đ.

2. Buộc Công ty cổ phần Bệnh viện Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế H số tiền là 1.996.333.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.514.950.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2021 là 481.383.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Bệnh viện Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 71.890.000 đồng (làm tròn) được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 69009 ngày 6/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, còn phải nộp 69.890.000 đồng.

- Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế H phải chịu 24.572.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ số tiền tạm ứng án phí là 41.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 15148 ngày 10/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, được trả lại 16.428.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 11/1/2022.

Nơi nhận:

- TAND Quận Đống Đa.
- VKSND TP Hà nội .
- Đường sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND Quận Hà Đông .
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh